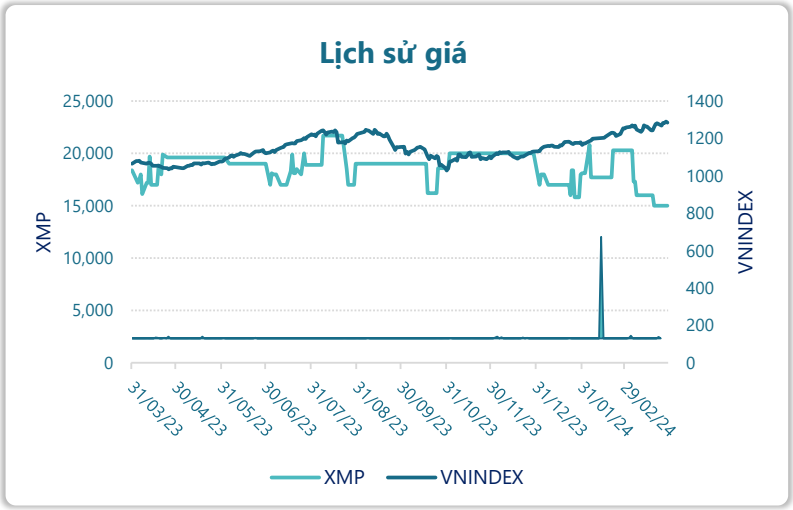
FireAnt

CTCP Thủy điện Xuân Minh (UPCOM: XMP)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**15,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	21,700
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	15,000
SL cổ phiếu LH	15,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	665
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	225
P/E	36.4
EPS	412

DT thuần

Q1/24

18.9

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.60| 9.3%

YoY: ▼1.40| -6.9%

LN sau thuế

Q1/24

5.44

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 1.76| 47.7%

YoY: ▲ 1.25| 29.7%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

47.5%

+/- YoY: ▼ 9.5%

DT thuần

2023

65.3

tỷ VNĐ

YoY: ▼14.7| -18.4%

LN sau thuế

2023

4.94

tỷ VNĐ

YoY: ▼15.7| -76.1%

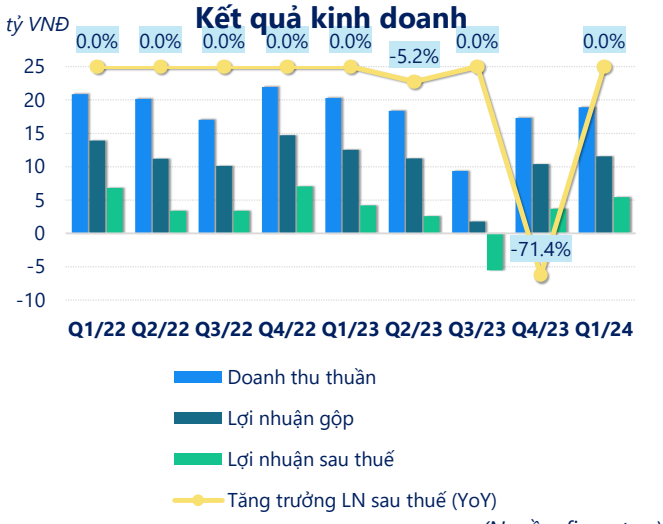
ROE

2023

2.9%

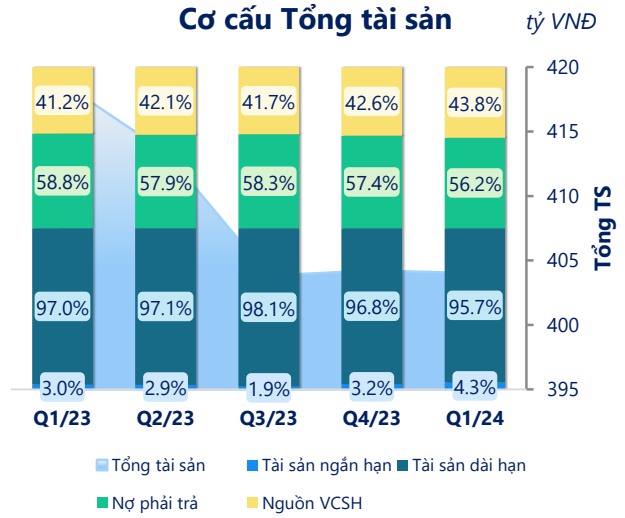
+/- YoY: ▼ 9.5%

Kết quả kinh doanh



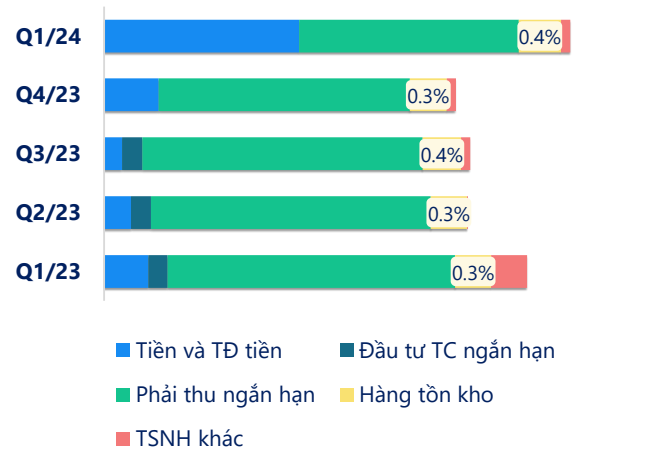
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



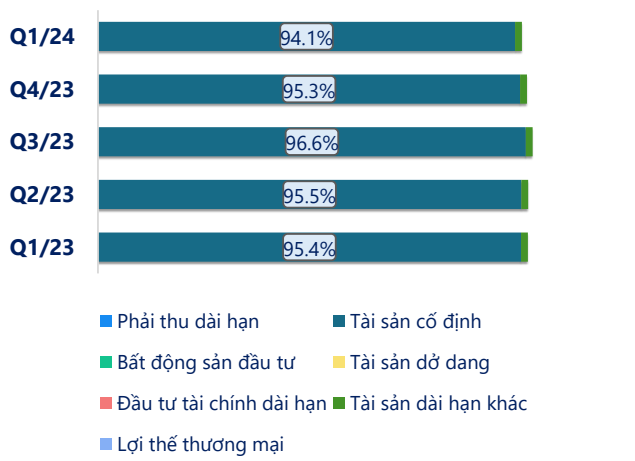
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



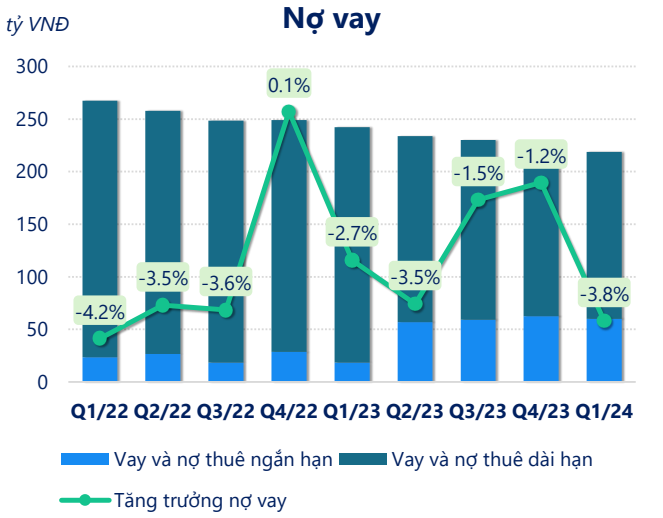
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



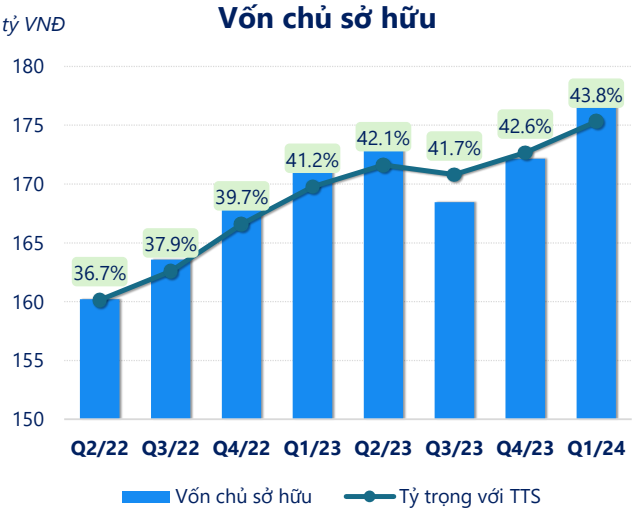
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



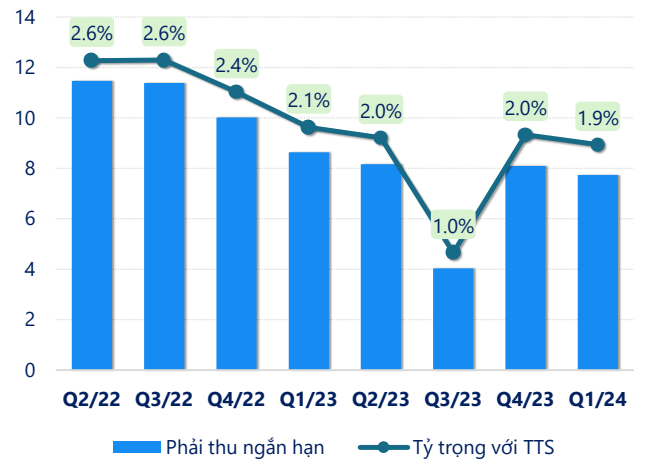
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



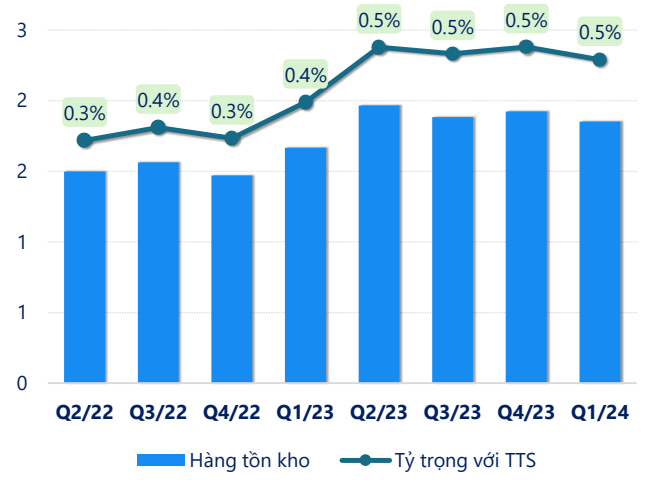
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



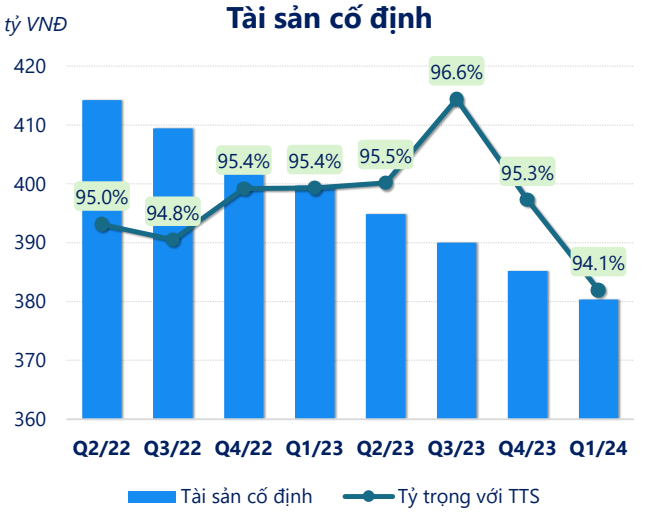
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



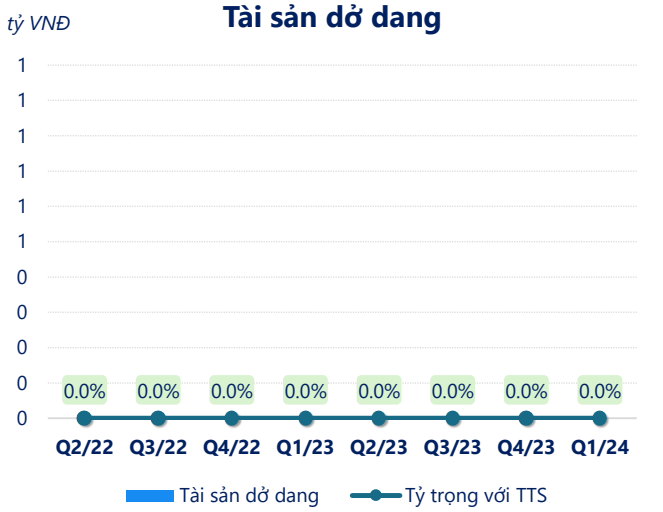
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



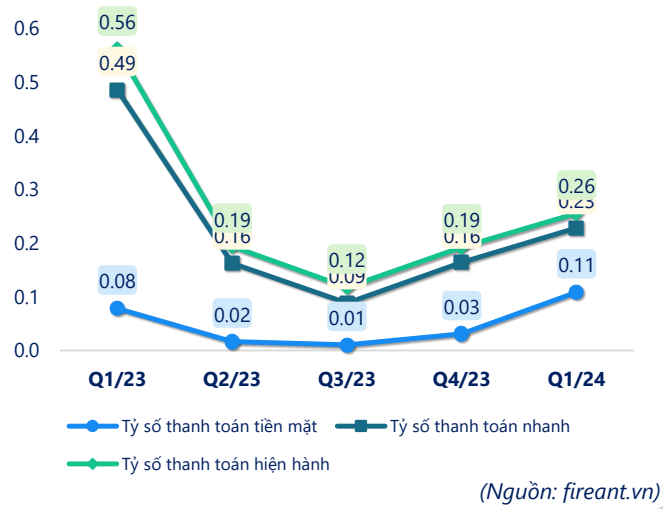
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



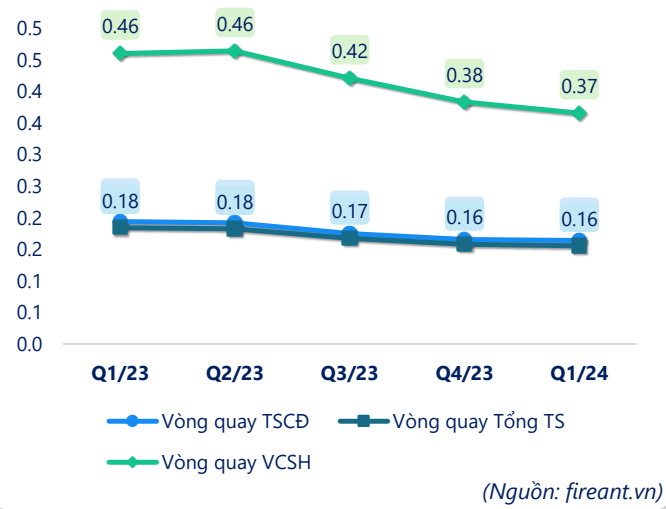
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**419**	**413**	**404**	**404**	**404**
Tài sản ngắn hạn	**12.4**	**12.1**	**7.58**	**13.0**	**17.4**
Tiền và tương đương tiền	1.73	1.05	0.68	2.07	7.42
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	8.64	8.16	4.03	8.09	7.74
Hàng tồn kho	1.67	1.97	1.88	1.92	1.85
Tài sản ngắn hạn khác	0.37	0.94	0.99	0.88	0.44
Tài sản dài hạn	**406**	**401**	**396**	**391**	**387**
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	400	395	390	385	380
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	6.65	6.44	6.23	6.05	6.21
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**246**	**239**	**235**	**232**	**227**
Nợ ngắn hạn	**22.1**	**62.5**	**64.5**	**67.3**	**68.3**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	18.2	56.8	59.3	62.6	59.9
Phải trả người bán ngắn hạn	0.72	1.16	0.43	0.36	0.75
Nợ dài hạn	224	177	171	165	159
Vay và nợ thuê dài hạn	224	177	171	165	159
Nguồn vốn chủ sở hữu	**173**	**174**	**168**	**172**	**177**
Vốn chủ sở hữu	**173**	**174**	**168**	**172**	**177**
Vốn điều lệ	150	150	150	150	150
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)